**DANH MỤC**

**DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỨC ĐỘ 3, MỨC ĐỘ 4 CẤP TỈNH THỰC HIỆN TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | **Tên TTHC** | **Mức độ 3** | **Mức độ 4** |
| A | **DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN CẤP TỈNH** | **517****(30%)** | **286****(46.6%)** |
| I | **CÔNG THƯƠNG ( 65 TTHC)** | **56** | **9** |
|  | **Lĩnh vực Xúc tiến thương mại ( 4TTHC)** | 4 |  |
| 1 | Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | **x** |  |
| 2 | Đăng ký sửa đổi/ bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | **x** |  |
| 3 | Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam | **x** |  |
| 4 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam | **x** |  |
|  | **Lĩnh vực thương mại (2 TTHC)** | 2 |  |
| 1 | Đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại | **x** |  |
| 2 | Đăng ký thay đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại | **x** |  |
|  | **Lĩnh vực Thương mại quốc tế ( 16 TTHC)** | 16 |  |
| 1 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa | **x** |  |
| 2 | Cấp giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn | **x** |  |
| 3 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách báo và tạp chí | **x** |  |
| 4 | Cấp giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại điểm d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 5 nghị định 09/2018/NĐ-CP | **x** |  |
| 5 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | **x** |  |
| 6 | Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại điều 20 nghị định số 09/2018/NĐ-CP | **x** |  |
| 7 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp khôngphải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế. | **x** |  |
| 8 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế | **x** |  |
| 9 | Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | **x** |  |
| 10 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong Trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong Trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2 | **x** |  |
| 11 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong Trung tâm thương mại | **x** |  |
| 12 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini | **x** |  |
| 13 | Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | **x** |  |
| 14 | Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | **x** |  |
| 15 | Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động | **x** |  |
| 16 | Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | **x** |  |
|  | **Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa ( 33 TTHC)** | **33** |  |
| 1 | Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | **x** |  |
| 2 | Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương | **x** |  |
| 3 | Lĩnh vực cạnh tranh | **x** |  |
| 4 | Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương. | **x** |  |
| 5 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương. | **x** |  |
| 6 | Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương. | **x** |  |
| 7 | Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp. | **x** |  |
| 8 | Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung | **x** |  |
| 9 | Lĩnh vực kinh doanh khí | **x** |  |
| 10 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG | **x** |  |
| 11 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải. | **x** |  |
| 12 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG | **x** |  |
| 13 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG | **x** |  |
| 14 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai | **x** |  |
| 15 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai. | **x** |  |
| 16 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải | **x** |  |
| 17 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải. | **x** |  |
| 18 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai. | **x** |  |
| 19 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn. | **x** |  |
| 20 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải. | **x** |  |
| 21 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn. | **x** |  |
| 22 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn. | **x** |  |
| 23 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG | **x** |  |
| 24 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải. | **x** |  |
| 25 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG | **x** |  |
| 26 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | **x** |  |
| 27 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | **x** |  |
| 28 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG | **x** |  |
| 29 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | **x** |  |
| 30 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | **x** |  |
| 31 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | **x** |  |
| 32 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải. | **x** |  |
| 33 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | **x** |  |
|  | **Lĩnh vực Thương mại biên giới ( 1 TTHC)** | **1** |  |
| 1 | Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào | **x** |  |
|  | **Lĩnh vực Xúc tiến thương mại ( 4 TTHC)** |  | **4** |
| 1 | Thông báo hoạt động khuyến mại |  | **x** |
| 2 | Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại |  | **x** |
| 3 | Thông báo hoạt động khuyến mại |  | **x** |
| 4 | Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại |  | **x** |
|  | **Lĩnh vực điện lực ( 5 TTHC)** |  | 5 |
| 1 | Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng thẻ |  | **x** |
| 2 | Cấp lại thẻ an toàn điện |  | **x** |
| 3 | Cấp thẻ an toàn điện |  | **x** |
| 4 | Cấp sửa đổi, bổ sung thẻ an toàn điện |  | **x** |
| 5 | Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực |  | **x** |
| II | **DU LỊCH (26 TTHC)** |  |  |
|  | **Lĩnh vực Dịch vụ du lịch – Khách sạn ( 6 TTHC)** | **6** | **20** |
| 1 | Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | x |  |
| 2 | Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | x |  |
| 3 | Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | x |  |
| 4 | Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | x |  |
| 5 | Thủ tục Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | x |  |
| 6 | Thủ tục Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch) | x |  |
|  | **Lĩnh vực Lữ hành (18 TTHC)** |  |  |
| 1 | Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa |  | x |
| 2 | Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa |  | x |
| 3 | Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa |  | x |
| 4 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành |  | x |
| 5 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể |  | x |
| 6 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản |  | x |
| 7 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài |  | x |
| 8 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện |  | x |
| 9 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy |  | x |
| 10 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài |  | x |
| 11 | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài |  | x |
| 12 | Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài |  | x |
| 13 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm |  | x |
| 14 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế |  | x |
| 15 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế |  | x |
| 16 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa |  | x |
| 17 | Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa |  | x |
| 18 | Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch |  | x |
|  | **Lĩnh vực Dịch vụ du lịch – Khách sạn ( 2 TTHC)** |  |  |
| 1 | Thủ tục Công nhận điểm du lịch |  | x |
| 2 | Thủ tục Công nhận Khu du lịch |  | x |
| III | **GIÁO DỤC ĐÀO TẠO** |  |  |
|  | **Giáo dục Đào tạo**  | **26** | **38** |
| 1 | Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp | x |  |
| 2 | Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp | x |  |
| 3 | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại | x |  |
| 4 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp | x |  |
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học | x |  |
| 6 | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục | x |  |
| 7 | Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam | x |  |
| 8 | Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục | x |  |
| 9 | Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại | x |  |
| 10 | Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục | x |  |
| 11 | Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thônghoạt động giáo dục | x |  |
| 12 | Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông | x |  |
| 13 | Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại | x |  |
| 14 | Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học | x |  |
| 15 | Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức, thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học) | x |  |
| 16 | Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học | x |  |
| 17 | Xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên | x |  |
| 18 | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh | x |  |
| 19 | Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học phổ thông | x |  |
| 20 | Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | x |  |
| 21 | Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ | x |  |
| 22 | Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên | x |  |
| 23 | Đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài | x |  |
| 24 | Thủ tục Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số | x |  |
| 25 | Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa | x |  |
| 26 | Xin học lại trường khác đối với học sinh trung học phổ thông | x |  |
| 27 | Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  | x |
| 28 | Chấm dứt hoạt động của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  | x |
| 29 | Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục |  | x |
| 30 | Cho phép hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  | x |
| 31 | Cho phép trường phổ thông trung học hoạt động giáo dục |  | x |
| 32 | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục |  | x |
| 33 | Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại |  | x |
| 34 | Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại |  | x |
| 35 | Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia |  | x |
| 36 | Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài |  | x |
| 37 | Gia hạn, điều chỉnh liên kết giáo dục |  | x |
| 38 | Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  | x |
| 39 | Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp, trường cao đẳng.) |  | x |
| 40 | Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường) |  | x |
| 41 | Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp, trường cao đẳng.) |  | x |
| 42 | Giải thể trường trung học phổ thông chuyên |  | x |
| 43 | Giải thể trường trung học phổ thông(theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường phổ thông trung học) |  | x |
| 44 | Phê duyệt liên kết giáo dục |  | x |
| 45 | Sáp nhập, chia tách trường phổ thông dân tộc nội trú |  | x |
| 46 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông |  | x |
| 47 | Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên |  | x |
| 48 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm ngoại ngữ, tin học |  | x |
| 49 | Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm |  | x |
| 50 | Thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam |  | x |
| 51 | Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục |  | x |
| 52 | Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục |  | x |
| 53 | Thủ tục Thành lập trường phổ thông trung học công lập hoặc cho phép thành lập trường phổ thông trung học tư thục |  | x |
| 54 | Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục |  | x |
| 55 | Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục |  | x |
| 56 | Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục (Trường trung học bao gồm: trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh; trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường chuyên). |  | x |
| 57 | Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia |  | x |
| 58 | Công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia (Trường trung học bao gồm: trường trung học cơ Sở; trường trung học phổ thông; trường phổ thông có nhiều cấp học; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện; trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh; trường phổ thông dân tộc nội trú trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường chuyên). |  | x |
| 59 | Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú |  | x |
| 60 | Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thục |  | x |
| 61 | Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường cao đẳng tư thục hoạt động không vì lợi nhuận |  | x |
| 62 | Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục |  | x |
| 63 | Thành lập và công nhận hội đồng quản trị trường đại học tư thục không vì lợi nhuận |  | x |
| 64 | Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lâp trường trung học phổ thông chuyên tư thục |  | x |
| IV | **GIAO THÔNG VẬN TẢI ( 49 TTHC)** |  |  |
|  | **Lĩnh vực đường bộ ( 21 TTHC)** | 29 | 20 |
| 1 | Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng | x |  |
| 2 | Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố | x |  |
| 3 | Gia hạn Giấy phép liên vận Lào-Việt và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào | x |  |
| 4 | Chấp thuận, cấp phép thi công xây dựng công trình đường bộ trong phạm vi đất dành cho đường bộ đối quốc lộ đang khai thác | x |  |
| 5 | Chấp thuận đấu nối tạm thời có thời hạn vào quốc lộ đang khai thác | x |  |
| 6 | Chấp thuận thiết kế kỹ thuật, phương án tổ chức giao thông của nút giao, điều kiện đảm bảo trật tự an toàn giao thông cho điểm đấu nối vào đường tỉnh và quốc lộ ủy thác | x |  |
| 7 | Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường tỉnh và quốc lộ ủy thác | x |  |
| 8 | Thỏa thuận xây dựng điểm đấu nối với đường bộ | x |  |
| 9 | Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác | x |  |
| 10 | Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu | x |  |
| 11 | Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác | x |  |
| 12 | Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ | x |  |
| 13 | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng | x |  |
| 14 | Xác minh GPLX (Đối với trường hợp đổi, cấp lại, nâng hạng GPLX không trực tiếp quản lý) | x |  |
| 15 | Đổi GPLX do ngành Giao thông vận tải cấp (Kể cả đổi GPLX do ngành Công an cấp trước ngày 01/8/1995) | x |  |
| 16 | Đổi GPLX quân sự do Bộ quốc phòng cấp cho quân nhân | x |  |
| 17 | Đổi GPLX do ngành Công an cấp sau ngày 31/7/1995 | x |  |
| 18 | Đổi GPLX đối với GPLX (hoặc bằng lái xe) của nước ngoài cấp cho người Việt Nam | x |  |
| 19 | Đổi GPLX (hoặc bằng lái xe) của nước ngoài cấp cho người nước ngoài (kể cả người nước ngoài gốc Việt) cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam | x |  |
| 20 | Cấp lại Giấy phép xe tập lái | x |  |
| 21 | Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô | x |  |
|  | **Lĩnh vực đường thủy nội địa ( 7 TTHC)** |  |  |
| 1 | Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước  | x |  |
| 2 | Xoá đăng ký phương tiện thủy nội địa | x |  |
| 3 | Công bố mở luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng | x |  |
| 4 | Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa chuyên dùng | x |  |
| 5 | Thông báo lần đầu, định kỳ luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương | x |  |
| 6 | Thông báo thường xuyên, đột xuất luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương | x |  |
| 7 | Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa và bến khách ngang sông thuộc phạm vi địa giới hành chính của địa phương | x |  |
|  | **Lĩnh vực đường bộ ( 20 TTHC)** |  |  |
| 1 | Đăng ký khai thác tuyến |  | x |
| 2 | Bổ sung xe không tăng số chuyến chạy xe trên tuyến cố định |  | x |
| 3 | Thay thế xe trên tuyến cố định |  | x |
| 4 | Giảm số chuyến chạy xe trên tuyến cố định |  | x |
| 5 | Ngừng khai thác tuyến |  | x |
| 6 | Cấp, cấp đổi, cấp lại biển hiệu xe ô tô vận chuyển khách du lịch |  | x |
| 7 | Cấp phù hiệu xe hợp đồng |  | x |
| 8 | Cấp phù hiệu xe buýt |  | x |
| 9 | Cấp phù hiệu xe công-ten- nơ |  | x |
| 10 | Cấp phù hiệu xe nội bộ |  | x |
| 11 | Cấp phù hiệu xe taxi |  | x |
| 12 | Cấp phù hiệu xe tải |  | x |
| 13 | Cấp phù hiệu xe đầu kéo |  | x |
| 14 | Cấp phù hiệu xe trung chuyển |  | x |
| 15 | Cấp phù hiệu xe tuyến cố định |  | x |
| 16 | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện vận tải thương mại |  | x |
| 17 | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt-Lào đối với phương tiện vận tải phi thương mại-Là xe công vụ |  | x |
| 18 | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt-Lào đối với phương tiện vận tải phi thương mại- Là xe cá nhân |  | x |
| 19 | Cấp mới Giấy phép kinh doanh vận tải |  | x |
| 20 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải |  | x |
| V | **KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ** | 87 | **70** |
|  | **Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (5 TTHC)** |  |  |
|  | ***Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu***  | 5 |  |
| 1 | Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập | x |  |
| 2 | Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý. | x |  |
| 3 | Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý | x |  |
| 4 | Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên | x |  |
| 5 | Giải thể công ty TNHH một thành viên | x |  |
|  | **Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Có 08 thủ tục hành chính)** | 8 |  |
| 1 | Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | x |  |
| 2 | Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường. | x |  |
| 3 | Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường | x |  |
| 4 | Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ | x |  |
| 5 | Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ | x |  |
| 6 | Công khai hoạt động của DN xã hội | x |  |
| 7 | Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ | x |  |
| 8 | Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội | x |  |
|  | **Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (5 TTHC)** | **5** |  |
| 1 | Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã | x |  |
| 2 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã | x |  |
| 3 | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã | x |  |
| 4 | Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã | x |  |
| 5 | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã | x |  |
|  | **Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (Có 29 thủ tục hành chính)** | **29** |  |
| 1 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). | x |  |
| 2 | Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | x |  |
| 3 | Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư). | x |  |
| 4 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | x |  |
| 5 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | x |  |
| 6 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư. | x |  |
| 7 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND *tỉnh* | x |  |
| 8 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư *của Thủ tướng Chính phủ* | x |  |
| 9 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư *của Quốc hội.* | x |  |
| 10 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong GCN đăng ký đầu tư | x |  |
| 11 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) | x |  |
| 12 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* | x |  |
| 13 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của *Thủ tướng Chính phủ.* | x |  |
| 14 | Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ) | x |  |
| 15 | Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh) | x |  |
| 16 | Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế. | x |  |
| 17 | Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài. | x |  |
| 18 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | x |  |
| 19 | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | x |  |
| 20 | Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | x |  |
| 21 | Giãn tiến độ đầu tư | x |  |
| 22 | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư | x |  |
| 23 | Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư | x |  |
| 24 | Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. | x |  |
| 25 | Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. | x |  |
| 26 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | x |  |
| 27 | Cung cấp thông tin về dự án đầu tư | x |  |
| 28 | Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư. | x |  |
| 29 | Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài. | x |  |
|  | **Lĩnh vực đấu thầu (8 thủ tục hành chính)** | 11 |  |
|  | ***Mục 1: Lựa chọn nhà đầu tư hình thức đối tác công tư PPP và nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (08 thủ tục hành chính)*** | 8 |  |
| 1 | Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án. | x |  |
| 2 | Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do Nhà đầu tư đề xuất. | x |  |
| 3 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do Nhà đầu tư đề xuất. | x |  |
| 4 | Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển. | x |  |
| 5 | Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư. | x |  |
| 6 | Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư. | x |  |
| 7 | Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư | x |  |
| 8 | Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư | x |  |
|  | ***Mục 2: Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh là chủ đầu tư (03 thủ tục hành chính)*** | 3 |  |
| 1 | Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất. | x |  |
| 2 | Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. | x |  |
| 3 | Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh là chủ đầu tư. | x |  |
|  | **Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (Có 07 thủ tục hành chính)** | **7** |  |
|  | ***Mục 1. Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (03 thủ tục hành chính)*** | 3 |  |
| 1 | Tiếp nhận dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) thuộc thẩm quyền UBND tỉnh. | x |  |
| 2 | Tiếp nhận dự án nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. | x |  |
| 3 | Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phí dự án sử dụng nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại | x |  |
|  | ***Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (04 thủ tục hành chính)*** | 4 |  |
| 1 | Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản. | x |  |
| 2 | Lập, thẩm định kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng. | x |  |
| 3 | Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm. | x |  |
| 4 | Xác nhận chuyên gia | x |  |
|  | **Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 thủ tục hành chính)** | 1 |  |
| 1 | Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ. | x |  |
|  | **Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ( thủ tục hành chính)** | **12** |  |
|  | ***Mục 1. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo ( 05 thủ tục hành chính)*** | 5 |  |
| 1 | Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. | x |  |
| 2 | Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | x |  |
| 3 | Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | x |  |
| 4 | Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo | x |  |
| 5 | Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư | x |  |
|  | ***Mục 2. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn (03 thủ tục hành chính)*** | 3 |  |
| 1 | Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn | x |  |
| 2 | Thủ tục đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên | x |  |
| 3 | Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp | x |  |
|  | ***Mục 3. Các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (04 thủ tục hành chính)*** | **4** |  |
| 1 | Hỗ trợ nguồn nhân lực | x |  |
| 2 | Hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh | x |  |
| 3 | Hỗ trợ văn phòng làm việc đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo | x |  |
| 4 | Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp sáng tạo | x |  |
|  | **Lĩnh vực đầu tư xây dựng (Có 04 thủ tục hành chính)** | 4 |  |
| 1 | Thẩm định chủ trương đầu tư dự án. | x |  |
| 2 | Trình phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật | x |  |
| 3 | Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật | x |  |
| 4 | Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình | x |  |
|  | **Lĩnh vực đầu tư không xây dựng (Có 05 thủ tục hành chính)** | 5 |  |
| 1 | Thẩm định chủ trương đầu tư dự án. | x |  |
| 2 | Thẩm định thiết kế thi công và dự toán | x |  |
| 3 | Trình phê duyệt dự án | x |  |
| 4 | Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, thiết kế thi công và dự toán | x |  |
| 5 | Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu | x |  |
|  | **Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (Có 60 thủ tục hành chính)** |  | **60** |
| 1 | Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân |  | x |
| 2 | Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên |  | x |
| 3 | Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên |  | x |
| 4 | Đăng ký thành lập công ty cổ phần |  | x |
| 5 | Đăng ký thành lập công ty hợp danh |  | x |
| 6 | Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 7 | Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 8 | Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh |  | x |
| 9 | Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần |  | x |
| 10 | Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 11 | Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên |  | x |
| 12 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức |  | x |
| 13 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước |  | x |
| 14 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế |  | x |
| 15 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. |  | x |
| 16 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp |  | x |
| 17 | Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác |  | x |
| 18 | Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích |  | x |
| 19 | Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác |  | x |
| 20 | Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 21 | Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân |  | x |
| 22 | Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần |  | x |
| 23 | Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết |  | x |
| 24 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế |  | x |
| 25 | Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 26 | Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 27 | Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 28 | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 29 | Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 30 | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) |  | x |
| 31 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động |  | x |
| 32 | Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 33 | Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) |  | x |
| 34 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) |  | x |
| 35 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) |  | x |
| 36 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương) |  | x |
| 37 | Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần) |  | x |
| 38 | Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân |  | x |
| 39 | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp |  | x |
| 40 | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp |  | x |
| 41 | Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp |  | x |
| 42 | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp |  | x |
| 43 | Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp |  | x |
| 44 | Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp |  | x |
| 45 | Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh) |  | x |
| 46 | Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh) |  | x |
| 47 | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần |  | x |
| 48 | Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên |  | x |
| 49 | Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên |  | x |
| 50 | Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn |  | x |
| 51 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp |  | x |
| 52 | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế |  | x |
| 53 | Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp |  | x |
| 54 | Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng |  | x |
| 55 | Thông báo tạm ngừng kinh doanh |  | x |
| 56 | Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo |  | x |
| 57 | Giải thể doanh nghiệp |  | x |
| 58 | Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án |  | x |
| 59 | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh |  | x |
| 60 | Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp |  | x |
|  | **Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (10 TTHC)** | **10** |  |
| 1 | Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã. |  | x |
| 2 | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã |  | x |
| 3 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã |  | x |
| 4 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã |  | x |
| 5 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia |  | x |
| 6 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách |  | x |
| 7 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất |  | x |
| 8 | Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập |  | x |
| 9 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng) |  | x |
| 10 | Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã |  | x |
| VI | **LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI** |  |  |
|  | **Lĩnh vực Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội (4 TTHC)** | **5** | 24 |
| 1 | Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động | x |  |
| 2 | Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động | x |  |
| 3 | Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động | x |  |
| 4 | Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động | x |  |
|  | **Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp (1 TTHC)** |  |  |
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp | x |  |
|  | **Lĩnh vực Người có công (7 TTHC)** |  | **7** |
| 1 | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ |  | x |
| 2 | Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần |  | x |
| 3 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng |  | x |
| 4 | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế |  | x |
| 5 | Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi |  | x |
| 6 | Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ |  | x |
| 7 | Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng |  | x |
|  | **Lĩnh vực Việc làm - An toàn vệ sinh lao động (5 TTHC)** |  | **5** |
| 1 | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam |  | x |
| 2 | Khai báo việc sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động |  | x |
| 3 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động |  | x |
| 4 | Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam |  | x |
| 5 | Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài |  | x |
|  | **Lĩnh vực Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội (2 TTHC)** |  | **2** |
| 1 | Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp |  | x |
| 2 | Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp |  | x |
|  | **Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp (3 TTHC)** |  | **3** |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp |  | x |
| 2 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp |  | x |
| 3 | Chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài |  | x |
|  | **Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (2 TTHC)** |  | **2** |
| 1 | Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật |  | x |
| 2 | Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh có từ 30% lao động trở lên là người khuyết tật |  | x |
|  | **Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (5 TTHC)** |  | **5** |
| 1 | Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân |  | x |
| 2 | Cấp lại Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân |  | x |
| 3 | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân |  | x |
| 4 | Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân |  | x |
| 5 | Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân |  | x |
| VII | **NỘI VỤ** | **36** | **10** |
|  | **Lĩnh vực Công chức, viên chức (09 TTHC)** | **9** |  |
| 1 | Thủ tục thi tuyển công chức | x |  |
| 2 | Thủ tục xét tuyển công chức | x |  |
| 3 | Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức | x |  |
| 4 | Thủ tục thi tuyển viên chức | x |  |
| 5 | Thủ tục xét tuyển viên chức | x |  |
| 6 | Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | x |  |
| 7 | Thủ tục xét tuyển đặc biệt viên chức | x |  |
| 8 | Thủ tục thi nâng ngạch công chức | x |  |
| 9 | Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức cấp huyện trở lên | x |  |
|  | **Lĩnh vực Tổ chức, biên chế (02 TTHC)** | 2 |  |
| 1 | Thủ tục thành lập đơn vị sự nghiệp công lập | x |  |
| 2 | Thủ tục giải thể, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập | x |  |
|  | **Lĩnh vực Hội, tổ chức phi chính phủ (13 TTHC)** | **13** |  |
| 1 | Thủ tục cho phép thành lập hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh, cấp huyện) | x |  |
| 2 | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh, cấp huyện) | x |  |
| 3 | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh, cấp huyện) | x |  |
| 4 | Thủ tục đổi tên hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh, cấp huyện) | x |  |
| 5 | Thủ tục tự giải thể đối với hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh, cấp huyện) | x |  |
| 6 | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh, cấp huyện) | x |  |
| 7 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh) | x |  |
| 8 | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh) đối với quỹ mới thành lập | x |  |
| 9 | Thủ tục công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ (đối với quỹ có thời gian hoạt động trên 01 năm) và công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (đối với quỹ đã đi vào hoạt động) | x |  |
| 10 | Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ sửa đổi, bổ sung quỹ (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh) | x |  |
| 11 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh) | x |  |
| 12 | Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh) | x |  |
| 13 | Thủ tục tự giải thể đối với quỹ (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh) | x |  |
|  | Lĩnh vực Thi đua, khen thưởng (09 TTHC) | **9** |  |
| 1 | Thủ tục khen thưởng hàng năm | x |  |
| 2 | Thủ tục khen thưởng theo chuyên đề | x |  |
| 3 | Thủ tục khen thưởng đối ngoại | x |  |
| 4 | Thủ tục khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân | x |  |
| 5 | Thủ tục khen thưởng đột xuất | x |  |
| 6 | Thủ tục tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh hàng năm | x |  |
| 7 | Thủ tục tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh theo chuyên đề | x |  |
| 8 | Thủ tục tặng danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh” | x |  |
| 9 | Thủ tục tặng danh hiệu “Công dân tiêu biểu tỉnh Thừa Thiên Huế” | x |  |
|  | Lĩnh vực Văn thư, lưu trữ (03 TTHC) | **3** |  |
| 1 | Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc | x |  |
| 2 | Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ | x |  |
| 3 | Thủ tục cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ | x |  |
|  | **Hội, tổ chức phi chính phủ** |  | **4** |
| 1 | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh) trong lĩnh vực nội vụ |  | x |
| 2 | Thủ tục cho phép hội (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh, cấp huyện) đặt văn phòng đại diện |  | x |
| 3 | Thủ tục cho phép quỹ (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh) hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động |  | x |
| 4 | Thủ tục đổi tên quỹ (có phạm vi hoạt động cấp tỉnh) |  | x |
|  | **Công tác thanh niên**  |  | **3** |
| 1 | Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh |  | x |
| 2 | Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh |  | x |
| 3 | Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong cấp tỉnh |  | x |
|  | **Lĩnh vực Hội, tổ chức phi chính phủ** |  | **3** |
| 1 | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã và thành phố |  | x |
| 2 | Thủ tục cho phép quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động |  | x |
| 3 | Thủ tục đổi tên quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện, thị xã, thành phố và xã, phường, thị trấn |  | x |
| **VIII** | **NGOẠI VỤ** |  |  |
|  | **Lĩnh vực Công tác Lãnh sự** | 2 | 1 |
| 1 | Thủ tục cho phép tổ chức Hội thảo có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (đối với cơ quan, tổ chức Việt Nam) | X |  |
| 2 | Thủ tục cho phép tổ chức Hội thảo có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (đối với cơ quan, tổ chức nước ngoài) | X |  |
|  | **Lĩnh vực Hoạt động di trú của công dân Việt Nam ra nước ngoài** |  |  |
| 1 | Thủ tục xuất cảnh cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thừa Thiên Huế |  | X |
| IX | **NÔNG NGHIỆP PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** | 106 | 7 |
|  | **Lĩnh vực trồng trọt và BVTV (15)** |  |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | **X** |  |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | **X** |  |
|  | Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật | **X** |  |
|  | Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật | **X** |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật | **X** |  |
|  | Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm | **X** |  |
|  | Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng | **X** |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón | **X** |  |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón | **X** |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón | **X** |  |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón | **X** |  |
|  | Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón | **X** |  |
|  | Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm | **X** |  |
|  | Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm | **X** |  |
|  | Tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy phân bón | **X** |  |
|  | **Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y (18)** |  |  |
|  | Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh(gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) | **X** |  |
|  | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) | **X** |  |
|  | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y | **X** |  |
|  | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y | **X** |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn | **X** |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống) | **X** |  |
|  | Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại | **X** |  |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn | **X** |  |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở toàn dịch bệnh động vật thủy sản | **X** |  |
|  | Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước) | **X** |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận | **X** |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận | **X** |  |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận | **X** |  |
|  | Kiểm dịch đối với động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm | **X** |  |
|  | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh | **X** |  |
|  | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh | **X** |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y | **X** |  |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y | **X** |  |
|  | **Lĩnh vực Thủy lợi (21)** |  |  |
|  | Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý. | **X** |  |
|  | Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý. | **X** |  |
|  | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh | **X** |  |
|  | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. | **X** |  |
|  | **Lĩnh vực Quản lý chất lượng (4)** |  |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản | **X** |  |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điểu kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sân (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) | **X** |  |
|  | Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thaỵ đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận) | **X** |  |
|  | Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm | **X** |  |
|  | **Lĩnh vực Phát triển nông thôn (8)** |  |  |
|  | Công nhận nghề truyền thống |  |  |
|  | Công nhận làng nghề |  |  |
|  | Công nhận làng nghề truyền thống |  |  |
|  | Bố trí, ổn định dân cư ngoài tỉnh |  |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết khu, điểm tái định cư | **X** |  |
|  | Hỗ trợ dự án liên kết |  |  |
|  | Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu | **X** |  |
|  | Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu | **X** |  |
|  | **Lĩnh vực thủy sản (22)** |  |  |
|  | Xóa đăng ký tàu cá | **X** |  |
|  | Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá | **X** |  |
|  | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu) | **X** |  |
|  | Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu) | **X** |  |
|  | Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá | **X** |  |
|  | Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) | **X** |  |
|  | Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản | **X** |  |
|  | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ) | **X** |  |
|  | Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển | **X** |  |
|  | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) | **X** |  |
|  | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) | **X** |  |
|  | Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng | **X** |  |
|  | Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên | **X** |  |
|  | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) | **X** |  |
|  | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) | **X** |  |
|  | **Lĩnh vực Kiểm lâm (15)** |  |  |
|  | Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý | **X** |  |
|  | Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý | **X** |  |
|  | Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.... | **X** |  |
|  | Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với diện tích rừng đề nghị chuyển mục đích thuộc chủ rừng là tổ chức) | **X** |  |
|  | Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh | **X** |  |
|  | Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập | **X** |  |
|  | Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) | **X** |  |
|  | Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức | **X** |  |
|  | Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp | **X** |  |
|  | Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên | **X** |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư) | **X** |  |
|  | Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư) | **X** |  |
|  | Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác | **X** |  |
|  | Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng của tỉnh. | **X** |  |
|  | Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loại động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES. | **X** |  |
|  | **Lĩnh vực xây dựng công trình (7)** |  |  |
|  | Thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế cơ sở điều chỉnh (đối với dự án có nguồn vốn ngoài ngân sách) | **X** |  |
|  | Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế bản vẽ thi công điều chỉnh (đối với dự án có nguồn vốn ngoài ngân sách) | **X** |  |
|  | Thủ tục thẩm định, phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật/điều chỉnh Báo cáo Kinh tế kỹ thuật, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu/điều chỉnh Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án đầu tư thuộc nguồn vốn sự nghiệp do Sở Nông nghiệp và PTNT quản lý | **X** |  |
|  | Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng điều chỉnh (đối với dự án sử dụng vốn ngân sách và không thực hiện theo thủ tục liên thông tại Sở Kế hoạch và Đầu tư) | **X** |  |
|  | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | **X** |  |
|  | Phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu (đối với dự án Sở Nông nghiệp và PTNT làm Chủ đầu tư) | **X** |  |
|  | Phê duyệt kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đề xuất, hồ sơ dự thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu (đối với dự án Sở NN &và PTNT làm Chủ đầu tư) | **X** |  |
|  | **Lĩnh vực Kế hoạch Tài chính (17)** | **X** |  |
|  | Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | **X** |  |
|  | Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | **X** |  |
|  | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương | **X** |  |
|  | **Lĩnh vực thủy sản (22)** |  |  |
|  | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá |  | X |
|  | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá |  | X |
|  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá |  | X |
|  | Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá |  | X |
|  | Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực |  | X |
|  | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá |  | X |
|  | Công bố mở cảng cá loại 2 |  | x |
| X | **TÀI CHÍNH** | **20** | **4** |
|  | **Quản lý tài sản công** |  |  |
| 1 | Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư (Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) | x |  |
| 2 | Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) | x |  |
| 3 | Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công trong trường hợp thay đổi đối tượng quản lý, sử dụng tài sản công (Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) | x |  |
| 4 | Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước (Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) | x |  |
| 5 | Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản cho Nhà nước (trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) | x |  |
| 6 | Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) | x |  |
| 7 | Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) | x |  |
| 8 | Quyết định điều chuyển tài sản công (Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) | x |  |
| 9 | Quyết định điều chuyển tài sản công giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế (Trừ tài công là Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) | x |  |
| 10 | Quyết định bán tài sản công (Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) | x |  |
| 11 | Quyết định thanh lý tài sản công Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản (trừ trường hợp ủy quyền cho Sở tài chính và UBND cấp huyện tại Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 30/3/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh) | x |  |
| 12 | Quyết định thanh lý tài sản công (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng /1 đơn vị tài sản hoặc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không giới hạn giá trị tài sản nhưng thuộc các trường hợp: Phá bỏ để tạo thông thoáng khuôn viên trụ sở làm việc; thanh lý do trụ sở làm việc, cơ sở sự nghiệp nằm trong lộ giới qui hoạch trên địa bàn phải di dời và chuyển giao cho Hội đồng Bồi thường, giải phóng mặt bằng địa phương; phá dỡ để cải tạo, đầu tư xây dựng mới theo kế hoạch, dự án hoặc quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền) | x |  |
| 13 | Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công | x |  |
| 14 | Quyết định tiêu huỷ tài sản công (Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng và tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản) | x |  |
| 15 | Quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại | x |  |
| 16 | Quyết định xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc | x |  |
| 17 | Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án | x |  |
| 18 | Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội | x |  |
| 19 | Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh | x |  |
|  | **Quản lý giá ( 1 TTHC)** |  |  |
| 1 | Hiệp thương giá | x |  |
|  | **Tài chính ngân sách - Đầu tư ( 4 TTHC)** |  |  |
| 1 | Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành - Dự án nhóm A |  | x |
| 2 | Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành - Dự án nhóm C |  | x |
| 3 | Phê duyệt quyết toán dự án đầu tư hoàn thành - Dự án nhóm B |  | x |
| 4 | Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện vĩnh viễn có khối lượng thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị |  | x |
| XI | **TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  | **31** | **62** |
|  | **Đất đai** | **14** |  |
| 1 | Thủ tục điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước 01/7/2004 | x |  |
| 2 | Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng | x |  |
| 3 | Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao | x |  |
| 4 | Thủ tục cho thuê đất đối với trường hợp bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm | x |  |
| 5 | Thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức đang sử dụng đất | x |  |
| 6 | Thủ tục gia hạn sử dụng đất | x |  |
| 7 | Thủ tục điều chỉnh diện tích giao đất, thuê đất | x |  |
| 8 | Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức | x |  |
| 9 | Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất | x |  |
| 10 | Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở tôn giáo | x |  |
| 11 | Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất | x |  |
| 12 | Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận | x |  |
| 13 | Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề | x |  |
| 14 | Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất | x |  |
|  | **Khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu** | 3 |  |
| 1 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn | x |  |
| 2 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn | x |  |
| 3 | Thủ tục gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn | x |  |
|  | **Biển, hải đảo** | 12 |  |
| 1 | Thủ tục giao khu vực biển | x |  |
| 2 | Thủ tục gia hạn quyết định giao khu vực biển | x |  |
| 3 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển | x |  |
| 4 | Thủ tục trả lại khu vực biển | x |  |
| 5 | Thủ tục thu hồi khu vực biển | x |  |
| 6 | Thủ tục cấp giấy phép nhận chìm ở biển | x |  |
| 7 | Thủ tục gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển | x |  |
| 8 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển | x |  |
| 9 | Thủ tục trả lại giấy phép nhận chìm | x |  |
| 10 | Thủ tục cấp lại giấy phép nhận chìm ở biển | x |  |
| 11 | Thủ tục khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử | x |  |
| 12 | Thủ tục khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu | x |  |
|  | **Đo đạc và bản đồ** | 2 |  |
| 1 | Cấp (cấp lại/ cấp đổi/ gia hạn) chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II | x |  |
| 2 | Thủ tục cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ | x |  |
|  | **Đăng ký giao dịch bảo đảm** |  | **9** |
| 1 | Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |  | x |
| 2 | Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai |  | x |
| 3 | Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận |  | x |
| 4 | Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu |  | x |
| 5 | Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký |  | x |
| 6 | Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký |  | x |
| 7 | Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |  | x |
| 8 | Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở |  | x |
| 9 | Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất |  | x |
|  | **Đất đai** |  | **22** |
| 1 | Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài |  | x |
| 2 | Thủ tục thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài |  | x |
| 3 | Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu |  | x |
| 4 | Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý |  | x |
| 5 | Thủ tục cung cấp dữ liệu về đất đai |  | x |
| 6 | Thủ tục Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế |  | x |
| 7 | Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất |  | x |
| 8 | Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp |  | x |
| 9 | Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện |  | x |
| 10 | Thủ tục đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu |  | x |
| 11 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu |  | x |
| 12 | Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất |  | x |
| 13 | Thủ tục Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp |  | x |
| 14 | Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở |  | x |
| 15 | Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định |  | x |
| 16 | Thủ tục Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở. |  | x |
| 17 | Thủ tục bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm |  | x |
| 18 | Thủ tục Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp |  | x |
| 19 | Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất |  | x |
| 20 | Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất |  | x |
| 21 | Thủ tục Đăng ký đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền |  | x |
| 22 | Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất |  | x |
|  | **Tài nguyên khoáng sản** |  | **16** |
| 1 | Thủ tục gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản |  | x |
| 2 | Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản |  | x |
| 3 | Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản |  | x |
| 4 | Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản |  | x |
| 5 | Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản |  | x |
| 6 | Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản |  | x |
| 7 | Thủ tục Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản |  | x |
| 8 | Thủ tục Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản |  | x |
| 9 | Thủ tục Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt |  | x |
| 10 | Thủ tục Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản |  | x |
| 11 | Thủ tục trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản. |  | x |
| 12 | Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản |  | x |
| 13 | Thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản |  | x |
| 14 | Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản |  | x |
| 15 | Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. |  | x |
| 16 | Thủ tục cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản |  | x |
|  | **Tài nguyên nước** |  | **15** |
| 1 | Thủ tục cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ |  | x |
| 2 | Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ. |  | x |
| 3 | Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ |  | x |
| 4 | Thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm |  | x |
| 5 | Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm. |  | x |
| 6 | Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm |  | x |
| 7 | Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm. |  | x |
| 8 | Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m3/ngày đêm. |  | x |
| 9 | Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m3/ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m3/ngày đêm |  | x |
| 10 | Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm đối với các hoạt động khác. |  | x |
| 11 | Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000 m3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm đối với các hoạt động khác. |  | x |
| 12 | Thủ tục cấp lại giấy phép tài nguyên nước |  | x |
| 13 | Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước |  | x |
| 14 | Thủ tục lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh |  | x |
| 15 | Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi |  | x |
| XII | **THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** |  | **37** |
|  | **Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử**  |  | 12 |
| 1 | Cấp giấy phép thiết lập trang tin điện tử (Internet) tổng hợp.  |  | x |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp |  | x |
| 3 | Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp |  | x |
| 4 | Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp |  | x |
| 5 | Thông báo thay đổi chủ sở hữu; địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp |  | x |
| 6 | Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh  |  | x |
| 7 | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh |  | x |
| 8 | Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng |  | x |
| 9 | Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt |  | x |
| 10 | Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên |  | x |
| 11 | Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng |  | x |
| 12 | Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên |  | x |
|  | **Lĩnh vực Báo chí (05)** |  | 5 |
| 1 | Cho phép họp báo (trong nước) |  | x |
| 2 | Cấp giấy phép xuất bản bản tin (trong nước) |  | x |
| 3 | Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép Xuất bản bản tin |  | x |
| 4 | Cấp giấy phép họp báo (nước ngoài). |  | x |
| 5 | Cấp phép trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài. |  | x |
|  | **Lĩnh vực Xuất bản (14)** |  | 14 |
| 1 | Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh |  | x |
| 2 | Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm |  | x |
| 3 | Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm |  | x |
| 4 | Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm |  | x |
| 5 | Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài. |  | x |
| 6 | Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh |  | x |
| 7 | Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm |  | x |
| 8 | Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm |  | x |
| 9 | Cấp giấy phép hoạt động in |  | x |
| 10 | Cấp lại giấy phép hoạt động in |  | x |
| 11 | Đăng ký hoạt động cơ sở in   |  | x |
| 12 | Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in  |  | x |
| 13 | Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu |  | x |
| 14 | Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu |  | x |
|  | **Lĩnh vực Bưu chính**  |  | 6 |
| 1 | Thủ tục cấp giấy phép bưu chính trong phạm vi nội tỉnh |  | x |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép bưu chính trong phạm vi nội tỉnh. |  | x |
| 3 | Cấp lại Giấy phép bưu chính khi hết hạn |  | x |
| 4 | Cấp lại Giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được |  | x |
| 5 | Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính |  | x |
| 6 | Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được |  | x |
| XIII | **TƯ PHÁP** | 3 |  |
|  | **Lý lịch tư pháp** | 3 |  |
| 1 | Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam | x |  |
| 2 | Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) | x |  |
| 3 | Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam) | x |  |
| XIV | **VĂN HÓA THỂ THAO** | **5** | **6** |
|  | **Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm** |  |  |
| 1 | cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | x |  |
| 2 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | x |  |
| 3 | Cấp lại Giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | x |  |
| 4 | Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | x |  |
| 5 | Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | x |  |
|  | **Nghệ thuật biểu diễn** |  |  |
| 1 | Thủ tục thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu | X |  |
| 2 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương |  | X |
|  | **Văn hóa cơ sở** |  |  |
| 1 | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn |  | X |
| 2 | Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo |  | X |
| 3 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam |  | X |
| 4 | Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam |  | X |
| 5 | Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam |  | X |
| XV | **XÂY DỰNG** | **42** | **3** |
|  | **Hoạt động xây dựng** | **20** |  |
| 1 | Cấp giấy phép xây dựng mới | X |  |
| 2 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình | X |  |
| 3 | Cấp giấy phép di dời công trình | X |  |
| 4 | Cấp lại giấy phép xây dựng | X |  |
| 5 | Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | X |  |
| 6 | Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III | X |  |
| 7 | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng) | X |  |
| 8 | Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài | X |  |
| 9 | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III | X |  |
| 10 | Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III | X |  |
| 11 | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III | X |  |
| 12 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP) | X |  |
| 13 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn) | X |  |
| 14 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp | X |  |
| 15 | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C | X |  |
| 16 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C | X |  |
| 17 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD) | X |  |
| 18 | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh (quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 24, điểm b Khoản 1 Điều 25, điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP) | X |  |
| 19 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Khoản 4, Điểm b Khoản 5 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP) | X |  |
| 20 | Tiếp nhận công bố sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật | X |  |
|  | **Quy hoạch xây dựng** | 4 |  |
| 1 | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch vùng | X |  |
| 2 | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch khu chức năng đặc thù (gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết) | X |  |
| 3 | Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị (gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết) | X |  |
| 4 | Thẩm định, phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng | X |  |
|  | **Phát triển đô thị** | **4** |  |
| 1 | Lấy ý kiến đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh | X |  |
| 2 | Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh | X |  |
| 3 | Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh | X |  |
| 4 | Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt | X |  |
|  | **Kinh doanh bất động sản** | 3 |  |
| 1 | Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản |  |  |
| 2 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản |  |  |
| 3 | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư |  |  |
|  | **Nhà ở** | **11** |  |
| 1 | Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua | X |  |
| 2 | Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP | X |  |
| 3 | Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP | X |  |
| 4 | Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP | X |  |
| 5 | Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh | X |  |
| 6 | Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh | X |  |
| 7 | Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước | X |  |
| 8 | Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước | X |  |
| 9 | Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước | X |  |
| 10 | Công nhận hạng/ công nhận lại hạng nhà chung cư tại Điều 9 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD | X |  |
| 11 | Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư tại Điều 7 của Thông tư số 31/2016/TT-BXD | X |  |
|  | **Giám định tư pháp xây dựng** | **3** |  |
| 1 | Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng | X |  |
| 2 | Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin | X |  |
| 3 | Đăng ký công bố thông tin nguời giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND dân tỉnh cho phép hoạt động | X |  |
| 1 | Tiếp nhận công bố sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật |  | X |
| 2 | Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua |  | X |
| 3 | Đăng ký công bố thông tin nguời giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND dân tỉnh cho phép hoạt động |  | X |
| XVI | **Y TẾ** |  | **160** |
|  | **Khám bệnh, chữa bệnh** |  | 75 |
| 1 | Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 2 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 3 | Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã |  | X |
| 4 | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình tư nhân độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 5 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 6 | Điều chỉnh Giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 7 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 8 | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do cấp không đúng thẩm quyền |  | X |
| 9 | Thành lập và cho phép thành lập ngân hàng mô trực thuộc Sở Y tế, và thuộc bệnh viện trực thuộc Sở Y tế, ngân hàng mô tư nhân, ngân hàng mô thuộc bệnh viện tư nhân, trường đại học y, dược tư thục trên địa bàn quản lý |  | X |
| 10 | Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ |  | X |
| 11 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ |  | X |
| 12 | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm |  | X |
| 13 | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng |  | X |
| 14 | Đề nghị phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế |  | X |
| 15 | Đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế |  | X |
| 16 | Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 17 | Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 18 | Cấp chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế từ ngày 01/01/2016 |  | X |
| 19 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề bác sỹ gia đình đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm a, b, Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 20 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại các điểm c, d, đ, e và g khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 21 | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình độc lập thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 22 | Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc phòng khám đa khoa tư nhân hoặc khoa khám bệnh của bệnh viện đa khoa |  | X |
| 23 | Cấp bổ sung lồng ghép nhiệm vụ của phòng khám bác sỹ đối với trạm y tế cấp xã |  | X |
| 24 | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm |  | X |
| 25 | Cấp lại giấy phép hoạt động đối với phòng khám bác sỹ gia đình thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền |  | X |
| 26 | Bổ sung, điều chỉnh phạm vi hoạt động bác sỹ gia đình đối với Phòng khám đa khoa hoặc bệnh viện đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 27 | Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế |  | X |
| 28 | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế |  | X |
| 29 | Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế |  | X |
| 30 | Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế |  | X |
| 31 | Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập |  | X |
| 32 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. |  | X |
| 33 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. |  | X |
| 34 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. |  | X |
| 35 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 36 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 37 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 38 | Cấp giấy phép hoạt độngkhám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp |  | X |
| 39 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả |  | X |
| 40 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khoẻ tại nhà |  | X |
| 41 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc |  | X |
| 42 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh |  | X |
| 43 | Cấp giấy phép hoạt động đối khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo với trạm xá, trạm y tế cấp xã |  | X |
| 44 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi địa điểm |  | X |
| 45 | Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối vớicơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám chữa bệnh |  | X |
| 46 | Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền |  | X |
| 47 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn. |  | X |
| 48 | Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế |  | X |
| 49 | Cho phép áp dụng chính thức kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế |  | X |
| 50 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 51 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng |  | X |
| 52 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo |  | X |
| 53 | Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT |  | X |
| 54 | Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT |  | X |
| 55 | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT |  | X |
| 56 | Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT |  | X |
| 57 | Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 58 | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe lái xe thuộc thẩm quyền Sở Y tế |  | X |
| 59 | Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 60 | Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. |  | X |
| 61 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế. |  | X |
| 62 | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 63 | Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I |  | X |
| 64 | Cấp Giấy chứng nhận sức khỏe đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam đủ tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục I nhưng mắc một số bệnh quy định tại Phụ lục II |  | X |
| 65 | Khám sức khỏe định kỳ đối với thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam |  | X |
| 66 | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam |  | X |
| 67 | Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cho thuyền viên làm việc trên tàu biển Việt Nam |  | X |
| 68 | Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 69 | Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 70 | Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập |  | X |
| 71 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 72 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 73 | Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 74 | Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 75 | Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
|  | **Lĩnh vực Đào tạo** |  | 1 |
| 1 | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố. |  | X |
|  | **Y tế dự phòng** |  | 18 |
| 1 | Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp |  | X |
| 2 | Cấp giấy chứng bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp |  | X |
| 3 | Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng |  | X |
| 4 | Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng |  | X |
| 5 | Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS |  | X |
| 6 | Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện |  | X |
| 7 | Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự |  | X |
| 8 | Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất |  | X |
| 9 | Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ |  | X |
| 10 | Công bố đủ điều kiện huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận về y tế lao động đối với cơ sở y tế thuộc thẩm quyền Sở Y tế |  | X |
| 11 | Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 12 | Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng |  | X |
| 13 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch y tế thi thể, hài cốt, tro cốt |  | X |
| 14 | Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp |  | X |
| 15 | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế |  | X |
| 16 | Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm |  | X |
| 17 | Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng |  | X |
| 18 | Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II |  | X |
|  | **Vệ sinh an toàn thực phẩm và dinh dưỡng** |  | **4** |
| 1 | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi |  | X |
| 2 | Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi |  | X |
| 3 | Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi. |  | X |
| 4 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. |  | X |
|  | **Dược phẩm** |  | **59** |
| 1 | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược |  | X |
| 2 | Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược |  | X |
| 3 | Đăng ký công bố hợp quy tinh Dầu tràm |  | X |
| 4 | Công bố sản phảm Mỹ phẩm |  | X |
| 5 | Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký thông tin, quảng cáo mỹ phẩm; hồ sơ đăng ký hội thảo/tổ chức sự kiện giới thiệu mỹ phẩm |  | X |
| 6 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất) |  | X |
| 7 | Duyệt dự trù và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế |  | X |
| 8 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất mỹ phẩm |  | X |
| 9 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm |  | X |
| 10 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng |  | X |
| 11 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực |  | X |
| 12 | Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo |  | X |
| 13 | Công bố sản phẩm mỹ phẩm |  | X |
| 14 | Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc |  | X |
| 15 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ có kinh doanh thuốc chất gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất, thuốc phóng xạ |  | X |
| 16 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực |  | X |
| 17 | Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc |  | X |
| 18 | Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất |  | X |
| 19 | Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực |  | X |
| 20 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc |  | X |
| 21 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất |  | X |
| 22 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực |  | X |
| 23 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại |  | X |
| 24 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, có chứa tiền chất không vì mục đích thương mại |  | X |
| 25 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực không vì mục đích thương mại |  | X |
| 26 | Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc |  | X |
| 27 | Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất |  | X |
| 28 | Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực |  | X |
| 29 | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT |  | X |
| 30 | Thẩm định và phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc đối với các cơ sở khám, chữa bệnh (đơn vị) công lập địa phương trực thuộc UBND tỉnh/tỉnh phố |  | X |
| 31 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 32 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược |  | X |
| 33 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất, hết hạn) |  | X |
| 34 | Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ |  | X |
| 35 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) |  | X |
| 36 | Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động |  | X |
| 37 | Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền Sở Y tế |  | X |
| 38 | Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 39 | Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt |  | X |
| 40 | Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh |  | X |
| 41 | Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc |  | X |
| 42 | Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước |  | X |
| 43 | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT |  | X |
| 44 | Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) |  | X |
| 45 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh dược hoặc thay đổi phạm vi kinh doanh dược có làm thay đổi Điều kiện kinh doanh; thay đổi địa Điểm kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) |  | X |
| 46 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) |  | X |
| 47 |   |  | X |
| 48 | Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc |  | X |
| 49 | Thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ |  | X |
| 50 | Giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần |  | X |
| 51 | Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 52 | Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế |  | X |
| 53 | Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính |  | X |
| 54 | Quản lý trang thiết bị y tế |  | X |
| 55 | Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D |  | X |
| 56 | Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D |  | X |
| 57 | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A |  | X |
| 58 | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế |  | X |
| 59 | Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế |  | X |
|  | **Mỹ phẩm** |  | **3** |
| 1 | Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước |  | X |
| 2 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm |  | X |
| 3 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm |  | X |
| XVII | **DÂN TỘC** | 2 |  |
| 1 | Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | X |  |
| 2 | Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số | X |  |
| XVIII | **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU KINH TẾ, CÔNG NGHIỆP TỈNH** | **63** | **12** |
|  | **Lĩnh vực đầu tư** | 19 |  |
| 1 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | X |  |
| 2 | Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) | X |  |
| 7 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư | X |  |
| 8 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh | X |  |
| 9 | Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | X |  |
| 10 | Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường họp không thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư) | X |  |
| 11 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh | X |  |
| 12 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | X |  |
| 13 | Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | X |  |
| 14 | Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | X |  |
| 15 | Giãn tiến độ đầu tư | X |  |
| 16 | Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư | X |  |
| 17 | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương | X |  |
| 18 | Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh | X |  |
| 19 | Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh | X |  |
|  | **LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ** | **10** |  |
| 1 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | X |  |
| 2 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (trong trường họp chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban Quản lý đến khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban Quản lý khác) | X |  |
| 3 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (trong trường họp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức) | X |  |
| 4 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (Đối với trường họp thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài) | X |  |
| 5 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (Đối với trường họp thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện) | X |  |
| 6 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (Đối với trường họp thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện) | X |  |
| 7 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (Đối với trường họp thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện) | X |  |
| 8 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (Đối với trường họp thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý)  | X |  |
| 9 | Gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện | X |  |
| 10 | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép | X |  |
|  | **LĨNH VỰC LAO ĐỘNG** | **1** |  |
| 1 | Đăng ký họp đồng nhận lao động thự**c tập dưới 90 ngày** | X |  |
|  | **LĨNH VỰC QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC**  | **2** |  |
| 1 | Thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết | X |  |
| 2 | Thẩm định và phê duyệt đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng | X |  |
|  | **LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  | 5 |  |
| 1 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh | X |  |
| 2 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) | X |  |
| 3 | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh | X |  |
| 4 | Cấp giấy phép xây dựng mới | X |  |
| 5 | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng | X |  |
|  | **LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**  | **2** |  |
| 1 | Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp trong Khu kinh tế thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế | X |  |
| 2 | Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp trong Khu kinh tế thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ban Quản lư Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế | X |  |
|  | **LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG**  | **2** |  |
| 1 | Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường | X |  |
| 2 | Chấp thuận về môi trường đối với các trường hợp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo ĐTM | X |  |
|  | **LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**  | **4** |  |
| 1 | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp quyết định chủ trương đầu tư) | X |  |
| 2 | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao lại đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp quyết định chủ trương đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình) | X |  |
| 3 | Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại địa bàn khu kinh tế. | X |  |
| 4 | Gia hạn sử dụng đất tại địa bàn khu kinh tế | X |  |
|  | **LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN**  | **16** |  |
| 1 | Phê duyệt trữ lượng khoáng sản | X |  |
| 2 | Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản | X |  |
| 3 | Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản | X |  |
| 4 | Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản | X |  |
| 5 | Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản | X |  |
| 6 | Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản | X |  |
| 7 | Đóng cửa mỏ khoáng sản | X |  |
| 8 | Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | X |  |
| 9 | Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | X |  |
| 10 | Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | X |  |
| 11 | Cấp giấy phép khai thác khoáng sản | X |  |
| 12 | Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản | X |  |
| 13 | Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản. | X |  |
| 14 | Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản. | X |  |
| 15 | Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình | X |  |
| 16 | Cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình | X |  |
|  | **LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN** | **1** |  |
| 1 | Thủ tục Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trong Khu kinh tế để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phục vụ đời sống cho người lao động | X |  |
|  | **LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN** | **1** |  |
| 1 | Thủ tục Thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu/điều chỉnh/bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu | X |  |
|  | **LĨNH VỰC LAO ĐỘNG** |  | **7** |
| 1 | Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam |  | X |
| 2 | Cấp giấy phép lao động cho lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam (đối với các trường hợp đặc biệt) |  | X |
| 3 | Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam |  | X |
| 4 | Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động |  | X |
| 5 | Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp |  | X |
| 6 | Gửi thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp |  | X |
| 7 | Gửi thang lương, bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp |  | X |
|  | **LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**  |  | **5** |
| 1 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo |  | X |
| 2 | Cấp giấy phép di dời công trình |  | X |
| 3 | Điều chỉnh giấy phép xây dựng |  | X |
| 4 | Gia hạn giấy phép xây dựng |  | X |
| 5 | Cấp lại giấy phép xây dựng |  | X |
|  |  |  |  |